

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 10 /2008/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê khai thuộc
các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Phòng, Chống tham nhũng;

Căn cứ Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ về
minh bạch tài sản, thu nhập ;

Căn cứ Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP ngày 13/11/2007 của
Thanh tra Chính phủ về hướng dẫn thi hành Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày
09/3/2007 về minh bạch tài sản, thu nhập ;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về việc kê khai tài sản, thu nhập đối với người
có nghĩa vụ phải kê khai; Về việc xác minh tài sản, thu nhập; Kết luận về sự
minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập và công khai bản kết luận về sự minh
bạch trong kê khai tài sản, thu nhập đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc
Thành phố Hà Nội (trừ các ngành công an, quân đội, kiểm sát, toà án thực hiện
theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Viện
trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của quyết định này gồm:

1. Đại biểu Quốc hội chuyên trách, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên
trách, người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Cán bộ, công chức từ phó trưởng phòng của Ủy ban nhân dân cấp
huyện trở lên và người được hưởng phụ cấp chức vụ tương đương phó trưởng
phòng của Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Giám đốc, phó giám đốc, viện trưởng, phó viện trưởng, kế toán trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, trưởng khoa, phó trưởng khoa, bác sĩ chính tại các bệnh viện, viện nghiên cứu của Nhà nước.

4. Tổng biên tập, phó tổng biên tập, kế toán trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, trưởng ban, phó trưởng ban báo, tạp chí có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước.

5. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, kế toán trưởng trường mầm non, tiểu học của Nhà nước; hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, kế toán trưởng trung học cơ sở, trung học phổ thông, trường trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên của Nhà nước; hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, kế toán trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, trưởng khoa, phó trưởng khoa, giảng viên chính trường đại học, cao đẳng của Nhà nước.

6. Giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, trưởng ban, phó trưởng ban tại ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước; giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng ban quản lý dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

7. Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, giám đốc, phó giám đốc, chủ tịch hội đồng quản trị, phó chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, trưởng ban kiểm soát, phó trưởng ban kiểm soát, thành viên ban kiểm soát, kế toán trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, trưởng ban, phó trưởng ban các phòng, ban nghiệp vụ trong công ty nhà nước; người được Nhà nước cử giữ chức vụ kể trên trong doanh nghiệp có vốn đầu tư của Nhà nước.

8. Bí thư, phó bí thư Đảng uỷ; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân; chủ tịch, phó chủ tịch, uỷ viên Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn; trưởng công an, chỉ huy trưởng quân sự xã; cán bộ địa chính - xây dựng, tài chính - kế toán của Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

9. Thanh tra viên, chấp hành viên, công chứng viên nhà nước.

10. Người làm công tác quản lý ngân sách, tài sản của Nhà nước hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân (thực hiện theo danh sách do Thủ tướng Chính phủ ban hành).

11. Cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người có nghĩa vụ kê khai công tác; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu xác minh; cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền ra quyết định xác minh, cơ quan, tổ chức, đơn vị tiến hành xác minh và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Kê khai lần đầu

1. Kê khai lần đầu theo quyết định này là việc người có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, thu nhập thuộc các trường hợp sau đây:

a. Kê khai vào tháng 12 năm 2007 và tháng 12 của các năm tiếp theo mà trước đó chưa kê khai lần nào.

b. Kê khai phục vụ bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý và bổ nhiệm ngạch công chức là đối tượng phải kê khai mà trước đó chưa kê khai lần nào.

c. Kê khai theo danh sách do Thủ tướng Chính phủ ban hành (trừ trường hợp đã kê khai phục vụ bầu cử bổ nhiệm).

d. Những người đã kê khai để phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, phục vụ bổ nhiệm trong năm 2007 sau ngày Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ có hiệu lực.

2. Việc kê khai lần đầu được thực hiện theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ (Mẫu 1) và là bản gốc được dùng làm căn cứ để so sánh, đối chiếu với các bản kê khai bổ sung.

Điều 4. Kê khai bổ sung

1. Kê khai bổ sung theo quyết định này là việc người có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, thu nhập thuộc các trường hợp sau đây:

a. Kê khai định kỳ vào tháng 12 từ năm 2008 trở đi mà trước đó đã từng kê khai.

b. Đã từng kê khai phục vụ bầu cử, bổ nhiệm từ sau ngày Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ có hiệu lực thi hành.

2. Việc kê khai bổ sung thực hiện theo mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 2442/2007/TT-TTCT ngày 13/11/2007 của Thanh tra Chính phủ.

Điều 5. Trình tự kê khai hàng năm

Kê khai hàng năm được thực hiện theo trình tự sau:

1. Các cơ quan, đơn vị giao phòng tổ chức cán bộ (hoặc bộ phận tổ chức) lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai và trình người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phê duyệt trước ngày 30/11 hàng năm.

2. Phòng tổ chức cán bộ phát bản kê khai cho người có nghĩa vụ kê khai và hướng dẫn kê khai như sau:

a. Nếu là kê khai lần đầu thì phát mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ.

b. Nếu là kê khai bổ sung thì phát mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 2442/2007/TT-TTCT ngày 13/11/2007 của Thanh tra Chính phủ.

3. Người có nghĩa vụ kê khai phải thực hiện việc kê khai hàng năm và kê khai phục vụ bổ nhiệm; phải tự kê khai và chịu trách nhiệm về nội dung và sự trung thực, chính xác theo bản mẫu trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày nhận được bản kê khai.

4. Trong thời gian 05 ngày, kể từ ngày nhận được bản kê khai, cán bộ tổ chức phải kiểm tra lại bản kê khai, nếu thấy việc kê khai chưa đúng mẫu quy định thì yêu cầu kê khai lại. Thời hạn kê khai lại là 05 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Khi tiếp nhận bản kê khai, cán bộ tổ chức phải làm giấy giao nhận bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ.

5. Trình tự kê khai và xử lý phát sinh theo quy định tại Khoản 2,3,4 Điều này phải hoàn thành chậm nhất là vào ngày 31/12 của năm kê khai và gửi đến

các cơ quan lưu giữ theo quy định của pháp luật trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc kê khai.

Điều 6. Việc lưu giữ bản kê khai

1. Nếu người kê khai không thuộc diện cấp uỷ quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì bản kê khai được lưu cùng hồ sơ cán bộ của người đó tại đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ.

2. Nếu người kê khai thuộc diện Thành uỷ quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, thực hiện như sau:

a. Bản gốc kê khai gửi cho Ban Tổ chức Thành uỷ.

b. Lưu 01 bản sao y tại cơ quan, đơn vị.

c. Gửi 01 bản sao y cho Uỷ ban kiểm tra Thành uỷ.

d. Gửi 01 bản sao y cho Thanh tra Thành phố.

3. Nếu người kê khai thuộc diện quận, huyện uỷ quản lý theo quy định phân cấp quản lý cán bộ, thực hiện như sau:

a. Bản gốc kê khai gửi cho Ban Tổ chức quận, huyện uỷ.

b. Lưu 01 bản sao y tại cơ quan, đơn vị.

c. Gửi 01 bản sao y cho Uỷ ban kiểm tra quận, huyện uỷ.

d. Gửi 01 bản sao y cho Thanh tra quận, huyện.

4. Các cơ quan, đơn vị được lưu giữ bản kê khai phải có trách nhiệm phân công bộ phận lưu giữ, bảo quản theo chế độ “Mật” và chỉ phục vụ cho việc xác minh tài sản, thu nhập khi có yêu cầu của người có thẩm quyền.

Điều 7. Kê khai phục vụ việc bổ nhiệm

1. Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền bổ nhiệm yêu cầu người dự kiến được bổ nhiệm thực hiện việc kê khai theo trình tự sau:

a. Nếu chưa kê khai lần đầu thì phát mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ.

b. Nếu đã kê khai lần đầu thì phát mẫu số 01 kê khai bổ sung ban hành kèm theo Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP ngày 13/11/2007 của Thanh tra Chính phủ.

2. Thời hạn kê khai, nộp bản kê khai hoàn thành trước thời điểm lấy phiếu tín nhiệm và bảo đảm đủ thời gian 10 ngày cho người kê khai thực hiện việc kê khai.

Điều 8. Xác minh tài sản thu nhập

1. Khi có những căn cứ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 37/2007/NĐ-CP có trách nhiệm ra văn bản yêu cầu xác minh tài sản thu nhập. Đối với tổ cáo, phản ánh giấu tên, mạo tên thì không xem xét để ra yêu cầu xác minh.

2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý người có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập theo

mẫu số 03 Nghị định số 37/2007/NĐ-CP, khi có văn bản yêu cầu theo quy định; khi thấy cần có thêm thông tin phục vụ cho việc miễn nhiệm; bãi nhiệm; kỷ luật; khi có hành vi tham nhũng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập.

3. Giải trình về việc kê khai:

a. Trước khi ra quyết định xác minh, người có thẩm quyền phải có văn bản yêu cầu người dự kiến được xác minh, giải trình về số lượng, biến động tài sản. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, người được yêu cầu phải có văn bản giải trình về các nội dung yêu cầu và gửi cho người có thẩm quyền.

b. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản giải trình, người có thẩm quyền ra quyết định phải xem xét, cân nhắc, nếu thấy nội dung giải trình có căn cứ, thể hiện kê khai trung thực, việc xác minh không cần thiết, thì người có thẩm quyền không ra quyết định xác minh và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 9. Cơ quan, đơn vị tiến hành xác minh

1. Ủy ban kiểm tra Thành ủy tiến hành xác minh trường hợp cán bộ thuộc diện Thành ủy quản lý; trường hợp cần thiết thì trung tập cán bộ của Thanh tra Thành phố tham gia xác minh.

2. Ủy ban kiểm tra Quận ủy, Huyện ủy tiến hành xác minh trường hợp cán bộ thuộc diện Quận, Huyện ủy quản lý. Trường hợp cần thiết thì trung tập cán bộ thanh tra quận, huyện tham gia xác minh.

3. Trong trường hợp người được xác minh là cán bộ đang công tác tại các cơ quan của đảng mà không thuộc diện do cấp ủy quản lý, tiến hành như sau:

a. Ban tổ chức Thành ủy tiến hành xác minh đối với cán bộ công tác tại Thành ủy;

b. Ban tổ chức Quận, Huyện ủy tiến hành xác minh đối với cán bộ công tác tại quận, huyện, xã, phường, thị trấn.

4. Trong trường hợp người được xác minh không thuộc diện cấp ủy quản lý; không phải là cán bộ đang công tác tại các cơ quan đảng ở thành phố, quận, huyện, xã, phường, thị trấn thì cơ quan tiến hành xác minh được xác định như sau:

a. Thanh tra Thành phố tiến hành xác minh đối với cán bộ đang công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố nhằm phục vụ cho việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kỷ luật, thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND Thành phố. Trường hợp cần thiết thì Thanh tra Thành phố chủ trì, phối hợp huy động cán bộ của Sở Nội vụ, Thanh tra sở tham gia xác minh;

b. Các tổ chức chính trị-xã hội, xã hội – nghề nghiệp có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước thì đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan đó tiến hành xác minh;

c. Thanh tra sở tiến hành xác minh đối với cán bộ công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc sở nhằm phục vụ việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kỷ luật, thuộc thẩm quyền của giám đốc sở. Trường hợp cần thiết thì Thanh tra sở chủ trì, phối hợp, huy động cán bộ tổ chức của các đơn vị tham gia xác minh;

d. Thanh tra quận, huyện tiến hành xác minh đối với cán bộ đang công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quận, huyện nhằm phục vụ việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kỷ luật, thuộc thẩm quyền quyết định của chủ tịch UBND quận, huyện. Trường hợp cần thiết thì Thanh tra quận, huyện chủ trì, phối hợp huy động cán bộ phòng nội vụ, phòng lao động-thương binh xã hội và phòng ban chuyên môn có liên quan của UBND quận, huyện tham gia xác minh;

đ. Đối với doanh nghiệp nhà nước, đơn vị phụ trách tổ chức, cán bộ tiến hành xác minh đối với cán bộ đang công tác tại doanh nghiệp mình. Đối với người được cử đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại các doanh nghiệp, do cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp tiến hành xác minh. Trong trường hợp không có cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp thì giao cho đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ tiến hành xác minh.

Điều 10. Kết luận, công bố công khai bản kết luận

1. Bản kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập được thực hiện theo mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ. Nếu nội dung kê khai phù hợp với kết quả xác minh thì ghi tại kết luận của người xác minh về việc kê khai tài sản, thu nhập: “Nội dung kê khai phù hợp với kết quả xác minh”. Không ghi các thông tin về tài sản, thu nhập của người được xác minh; Nếu nội dung kê khai không phù hợp với kết quả xác minh thì bản kết luận chỉ ghi rõ loại tài sản, thu nhập nào có sự chênh lệch, phân chênh lệch cụ thể giữa bản kê khai và kết quả xác minh.

2. Việc công khai bản kết luận được thực hiện như sau:

a. Đối với việc xác minh phục vụ bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật thì người có thẩm quyền kết luận phải ra quyết định công khai bản kết luận đó ngay sau khi bản kết luận được ban hành;

b. Đối với việc xác minh theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thì cơ quan, tổ chức, cá nhân đã ra kết luận phải ra quyết định công khai bản kết luận đó trong thời hạn năm ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu công khai;

3. Bản kết luận được công bố công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người có có nghĩa vụ kê khai làm việc. Hình thức và thời hạn công khai do người ra quyết định công khai lựa chọn phù hợp với mục đích, yêu cầu, thời hạn của việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Kê khai, xác minh, kết luận, công khai bản kết luận phục vụ việc bầu cử

1. Việc kê khai phục vụ việc bầu cử, bãi nhiệm đại biểu Quốc hội; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh do Quốc hội bầu, phê chuẩn: thực hiện theo phần 4 Thông tư số 2442/2007/TT-TTCT ngày 13/11/2007 của Thanh tra Chính phủ

2. Việc kê khai phục vụ việc bầu cử, bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu, phê chuẩn; Phê chuẩn các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu; thực hiện theo phần 5 Thông tư số 2442/2007/TT-TTCT ngày 13/11/2007 của Thanh tra Chính phủ.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các cơ quan thanh tra trong hệ thống tổ chức thanh tra Nhà nước thuộc Thành phố chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra đảng, cơ quan nội vụ cùng cấp hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc kê khai, xác minh, kết luận và công khai bản kết luận; thực hiện chế độ báo cáo tổng hợp định kỳ trước ngày 15/2 hàng năm với Thành uỷ, UBND Thành phố, Thanh tra Chính phủ, UBKT Trung ương, Bộ nội vụ, Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Thành phố theo quy định.

3. Các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội ngoài việc thực hiện Quyết định này, phải thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ và Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP ngày 13/11/2007 của Thanh tra Chính phủ. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về UBND Thành phố, UBKT Thành uỷ, Ban tổ chức Thành uỷ hoặc Thanh tra Thành phố để giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- BCD TW về phòng CTN;
- Ủy ban kiểm tra TW;
- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Văn phòng CP;
- Cục Phòng CTN Thanh tra CP;
- Thường trực Thành uỷ;
- Thường trực HĐND TP;
- Đoàn đại biểu QH Hà Nội;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các đ/c Phó chủ tịch UBND TP;
- VP Thành uỷ; VP UBND TP;
- UBKT Thành uỷ;
- BTC Thành uỷ;
- Sở Nội vụ;
- Thanh tra Thành phố;
- UBND các quận, huyện;
- Các sở, ban, ngành;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, TH, NC, PC.

Để
b/c

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Hồng Khanh

